

Ý thức tự do trong phong trào thơ mới :Luận án TS. Văn học: 62 22 34 01 /Đặng Thị Ngọc Phượng ; Nghd. : GS.TS. Lê Văn Lân, TS. Nguyễn Đức Mậu

1. Mục đích - ý nghĩa đề tài

1.1. Phong trào Thơ mới Việt Nam 1932-1945 với những thành tựu rực rỡ của nó đã thực sự đem đến cho thi ca Việt Nam một thời đại mới, mở đầu cho tiến trình hiện đại hoá của thơ Việt còn tiếp tục cho đến ngày nay. Ra đời, tồn tại và phát triển trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định (1932-1945), phong trào Thơ mới được đánh giá là cuộc cách mạng trong thơ ca xuất phát từ sự bùng nổ của tư duy sáng tạo với sự hội ngộ của hai nền văn hoá - văn học phương Đông và phương Tây trên cơ sở văn chương Việt, thi pháp Việt.

Kế thừa những người đi trước, luận án sẽ đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu ý thức tự do trong phong trào Thơ mới dưới góc nhìn cá tính sáng tạo bao gồm cả chặng đường Thơ mới (1932-1945). Thực hiện đề tài này, chúng tôi hy vọng góp phần bổ sung vào việc nghiên cứu phong trào Thơ mới ở khía cạnh mỹ học sáng tạo.

1.2. Tìm hiểu và nghiên cứu phong trào Thơ mới dưới góc độ lý luận và cá tính sáng tạo về ý thức tự do cho thấy được sự khác biệt giữa thơ mới và thơ cũ, thấy được sự đóng góp của các nhà thơ trên phương diện nội dung và nghệ thuật, góp phần khẳng định giá trị của bộ phận thơ từng chịu nhiều định kiến này. Mặt khác, nghiên cứu ý thức tự do trong phong trào Thơ mới sẽ đem lại những bài học kinh

nghiệm về cách tân nghệ thuật, những tư duy trong sáng tạo, sự hình thành những phong cách thi ca độc đáo.

2. Lịch sử vấn đề

Quá trình nghiên cứu Thơ mới chia làm ba chặng đường: trước 1945, từ 1945 đến 1986 và từ 1986 đến nay. Xa, gần có nhắc đến ý thức tự do trong Thơ mới, có thể kể đến những công trình sau:

2.1. Trước 1945: *Thi nhân Việt Nam* (1942) của Hoài Thanh, Hoài Chân, ***Nhà văn hiện đại*** (1942) của Vũ Ngọc Phan, ***Việt Nam văn học sử yếu*** (1943) của Dương Quảng Hàm, vai trò của ý thức tự do trong phong trào Thơ mới có nhắc đến tuy chưa được rõ.

2.2. Từ 1945 đến 1986: Các công trình: ***Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*** (TB 1998) của Phạm Thế Ngũ, ***Văn học sử Việt Nam*** (1967) của Bùi Đức Tịnh, ***Từ Thơ mới đến thơ tự do*** (1967) của Bằng Giang, ***Khuynh hướng thi ca tiền chiến*** (1968) của Nguyễn Tấn Long, Phan Canh... khảo sát ý thức tự do, ý thức cá nhân trong cái nhìn tĩnh tại.

Thanh Lãng trong ***Phê bình văn học thế hệ 1932*** (1972), ***Phong trào Thơ mới 1932-1945*** (1966) của Phan Cự Đệ, ***Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*** (1971) của Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức đã khẳng định cái tôi cá nhân ảnh hưởng không nhỏ đối với sự hình thành ý thức tự do. Họ cho rằng hình thức thơ thích hợp nên trạng thái cảm xúc và lối cấu tứ của các nhà Thơ mới phong phú và đa dạng hơn. Đây cũng là một biểu hiện của ý thức tự do trong sáng tạo của nhà thơ.

2.3. Từ 1986 đến nay: Các công trình chuyên luận riêng về Thơ mới liên tiếp ra đời. Đó là: ***Con mắt thơ*** (1992) của Đỗ Lai Thúy, ***Thơ mới những bước thăng trầm*** (1993) của Lê Đình Ky, ***Một thời đại trong thi ca*** (1997) của Hà Minh Đức, ***Phác thảo quan hệ văn học Pháp với văn học Việt Nam hiện đại*** (1998) của Hoàng Nhân, ***Những thế giới***

nghệ thuật thơ (2001) và *Văn học và thời gian* (2002) của Trần Đình Sử... Các tác giả đã đề cập đến ý thức tự do của thi nhân trên phương diện nội dung, nhấn mạnh ảnh hưởng của phương Tây đặc biệt là văn học Pháp tới sự thức tỉnh của ý thức tự do của thi nhân. Ý thức tự do được đề cập đến ở phương diện khẳng định ngôn ngữ tự do trong việc tạo tâm thế sáng tạo cho thơ ca. Bên cạnh đó, các công trình có những luận điểm liên quan đến Thơ mới từ phương diện ý thức tự do có thể kể đến: "*Sự vận động của cái tôi trữ tình và tiến trình thơ ca*" của Vũ Tuấn Anh (TCVH số 1/1996), *Giọng điệu trong thơ trữ tình* (2002) của Nguyễn Đăng Điệp, *Ba đỉnh cao Thơ mới: Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử* (2003) của Chu Văn Sơn, *Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỷ XX* (2005) của Mã Giang Lân... Đó là những gợi mở để chúng tôi khảo sát, tiếp cận với không khí xã hội, khát vọng sống của con người cá nhân tạo nên ý thức tự do trỗi dậy mạnh mẽ trong phong trào Thơ mới.

Ngoài ra, còn có một số luận án nghiên cứu về Thơ mới trong hơn mười năm trở lại đây. Đó là: *Thơ tình Xuân Diệu* (1994) của Lưu Khánh Thơ, *Thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng 8-1945* (1995) của Lý Hoài Thu, *Thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng 8-1945* (1998) của Lê Quang Hưng, *Bản sắc thơ Nguyễn Bính trước cách mạng tháng 8-1945* (1998) của Đoàn Đức Phương, *Kết cấu thơ trữ tình (nhìn từ góc độ loại hình)* (1999) của Phan Huy Dũng, *Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên* (1999) của Hồ Thế Hà, *Quan niệm nghệ thuật trong các tác phẩm của các nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới 1932-1945* (1999) của Nguyễn Thị Hồng Nam, *Thi pháp thơ Huy Cận* (2001) của Trần Khánh Thành, *Thơ mới nhìn từ giác độ quan hệ văn hoá - văn học* (2007) của Hoàng Thị Huệ...

Ngoài các công trình nghiên cứu về Thơ mới còn một số công

trình bàn về ý thức, tự do của con người trong lĩnh vực triết học, văn hoá xã hội... Đó là những công trình: *Ý hướng tính văn chương* (1999) của Nguyễn Hoàng Đức, *Lịch sử cá nhân luận* (2001) của Alain Laurent (Phan Ngọc dịch), *Bàn về tự do* (2005) của John Stuart Mill (Nguyễn Văn Trọng dịch), *Tư duy tự do* (2006) của Phan Huy Đường... Những tác phẩm này là cơ sở để chúng tôi nghiên cứu ý thức tự do biểu hiện trong văn học và cụ thể trong phong trào Thơ mới.

Các công trình trên đây cho thấy việc nghiên cứu Thơ mới đang cần một cách tiếp cận mới nhằm phát hiện những tầng nghĩa sâu hơn. Tuy các công trình trên chưa có công trình nào đề cập đến Thơ mới về ý thức tự do một cách cụ thể, chuyên biệt nhưng đó là những gợi ý quý báu để chúng tôi vận dụng, tiếp cận ý thức tự do trong phong trào Thơ mới một cách có hệ thống.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu ý thức tự do tập trung biểu hiện qua phương diện nội dung và nghệ thuật dưới góc nhìn cá tính sáng tạo của nền Thơ mới lãng mạn Việt Nam 1932-1945.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Tư liệu khảo sát chủ yếu là bộ hợp tuyển *Thơ mới 1932-1945 tác giả và tác phẩm* của Lại Nguyên Ân (NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998) và *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Thi pháp học, phong cách học:

Vận dụng thi pháp học hiện đại và phong cách học để khảo sát các hình thức nghệ thuật của Thơ mới, chỉ ra những đặc trưng nghệ thuật của một số tác giả nhằm khẳng định những thành công của Thơ mới trên phương diện ý thức tự do.

4.2. Phương pháp tổng hợp, liên ngành: xã hội học, thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp... tập trung xem xét, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử nghiên cứu, hình thức thể loại, thể thơ và tiến hành so sánh ý thức tự do trong Thơ mới với nền thơ truyền thống dân tộc và thơ Pháp; xác định những nét kế thừa và đổi mới của Thơ mới, phong cách tác giả tiêu biểu... Từ đó thấy được những nét độc đáo về tâm lý học sáng tạo và vai trò của ý thức tự do trong phong trào Thơ mới.

5. Đóng góp của luận án

5.1. Trên cơ sở vận dụng các phương pháp trên, chúng tôi chỉ ra ý thức tự do như là một động lực quan trọng trong việc hình thành cái tôi cá nhân và tiến trình phát triển của Thơ mới.

5.2. Lựa chọn và giải quyết đề tài này, luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, tập trung nghiên cứu ý thức tự do trong Thơ mới từ góc độ thẩm mỹ. Từ đó, khám phá cá tính sáng tạo của nhà thơ, sự đa dạng trong nghệ thuật biểu hiện của Thơ mới.

Luận án góp phần chỉ ra một đặc điểm quan trọng của Thơ mới: ý thức tự do, đồng thời khẳng định sự tác động của ý thức tự do đến các cách thể hiện, các hình thức thể hiện trong Thơ mới. Về mặt khoa học, nhu cầu tìm hiểu ý thức tự do trong phong trào Thơ mới được đặt trong tiến trình chung của văn học Việt Nam để phát hiện, lý giải một cách có cơ sở khách quan cũng như quy luật vận động nội tại của thi ca.

5.3. Về mặt phương pháp, luận án gợi ý một lối tiếp cận mới về Thơ mới: tâm lý học sáng tạo.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Danh mục các công trình, nghiên cứu của tác giả luận án* và *Thư mục tài liệu tham khảo*, phần

nội dung luận án được cấu trúc thành ba chương như sau:

Chương 1: Ý thức tự do như là tiền đề hình thành Thơ mới.

Chương 2: Ý thức tự do và sự đổi mới nội dung cảm xúc trong phong trào Thơ mới.

Chương 3: Ý thức tự do và sự đổi mới các hình thức thể hiện của Thơ mới.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

Ý THỨC TỰ DO NHƯ LÀ TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH THƠ MỚI

1.1. Bối cảnh xã hội Việt Nam và những tiền đề hình thành phong trào Thơ mới

1.1.1. Bối cảnh xã hội - văn hoá đầu thế kỷ XX

Những biến cố chính trị nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã tạo ra những biến đổi sâu sắc. Từ xã hội mang hình thái phong kiến, Việt Nam đã trở thành xã hội thực dân nửa phong kiến. Từ một dân tộc tồn tại trong khu vực Đông Á, nước ta bắt đầu quá trình tiếp xúc với phương Tây và gia nhập vào thế giới hiện đại. Sự ảnh hưởng của phương Tây khiến cho đời sống xã hội Việt Nam có những biến đổi sâu sắc, tạo nên những lớp người mới với cách sống mới, suy nghĩ mới, tình cảm mới.

Sự thay đổi của đời sống văn hoá - xã hội dẫn đến sự xuất hiện của bản thân văn học như một nhu cầu tất yếu. Văn học thành thị thay thế văn học thôn dã, phù hợp với nhu cầu công chúng mới. Chính chủ nghĩa cá nhân và văn hoá đô thị ra đời tạo tiền đề cho sự xuất hiện

phong trào Thơ mới.

1.1.2. Tiền đề hình thành phong trào Thơ mới

Hoàn cảnh xã hội, chính trị, kinh tế Việt Nam đầu thế kỷ XX là môi trường để người dân thể hiện rõ ý thức tự do, đòi được tự do. Điều này được nhận diện rõ nét qua không khí thời đại, qua báo chí, qua các cuộc tranh luận văn học. Đây là một biểu hiện về phương diện tự do tư tưởng, tự do học thuật, tự do ngôn luận. Những cuộc tranh luận trên báo chí: tranh luận về *Quốc học* (1924-1941), tranh luận về *Truyện Kiều* (1924-1944), cuộc tranh luận *Duy tâm hay duy vật* (1933-1939) giữa Hải Triều và Phan Khôi, cuộc tranh luận *Nghệ thuật vị nghệ thuật hay Nghệ thuật vị nhân sinh* (1935-1939)... Đặc biệt là cuộc tranh luận khá sôi nổi về *Thơ mới và Thơ cũ* (1932-1942) nằm trong không khí tranh luận học thuật diễn ra trong những thập niên đầu thế kỷ XX đã thu hút nhiều vấn đề lý luận phong phú và những ý kiến trái ngược nhau.

Cuộc bút chiến về Thơ mới là một cuộc đấu tranh về ý thức. Khi phong trào thay cũ đổi mới, ý thức được đề cao. Và đó cũng chính là nguyên nhân đưa Thơ mới đến thắng lợi.

1.2. Ý thức tự do trong sáng tạo nghệ thuật

1.2.1. Ý thức tự do và vai trò của chủ thể con người trong đời sống

Con người luôn có ý thức về cuộc sống chính mình. Sự thức tỉnh về chính mình, thức tỉnh về đời sống ngăn ngừa trong khoảnh khắc của chính mình là sự khẳng định tồn tại cá nhân. Con người phải được tự do, được bày tỏ ý kiến của mình vì đó chính là sức mạnh bên trong của con người.

Con người là chủ thể của hoạt động. Con người chỉ thực sự có ý nghĩa, thực sự phát triển khi con người có ý thức tự do và tự do sáng tạo.

1.2.2. Tự do sáng tạo trong đời sống văn học

Sự sáng tạo của văn học nghệ thuật đòi hỏi phải nâng cao ý thức về cá tính. Để phát huy cá tính sáng tạo đó thì xã hội phải có những điều kiện về mặt dân chủ. Một xã hội phát triển theo hướng xã hội thì sẽ tạo ra một không gian thoáng đãng, cho phép người nghệ sĩ có tự do để sáng tạo.

Tự do chi phối sứ mạng người nghệ sĩ khi cầm bút. Tự do sáng tạo với cái nghĩa đẹp nhất của nó là khám phá ra những cái mới, những cái lớn của cuộc sống; tạo ra được những hình tượng, nói lên được những suy nghĩ, những rung động có sức bật. Điều này khẳng định tự do và cá tính có mối quan hệ mật thiết.

1.2.3. Ý thức tự do và vấn đề phát huy cá tính sáng tạo

Tự do rất quan trọng đối với người nghệ sĩ. Tự do thúc đẩy người nghệ sĩ dấn thân vào sáng tạo. Cả một đời làm nghệ thuật đôi khi không bằng một phút giây sáng tạo nghệ thuật với cảm hứng tự do.

Tự do và việc ý thức về tự do cá nhân là một qui luật của sáng tạo văn học, sáng tạo thơ ca. Khi nhà thơ có được tự do: tự do thể hiện mình, phát huy hết năng lực cá nhân, tự do lựa chọn trong sáng tạo... thì sáng tạo mới đầy cá tính. Chính điều đó tạo nên tiếng nói riêng, thi pháp riêng. Và đây chính là cơ sở mở rộng chân trời sáng tạo cho thơ ca.

1.2.4. Ý thức tự do và sự ra đời của Thơ mới

Ý thức tự do sáng tạo là kết quả của sự tác động những tiền đề: chính trị, kinh tế, văn hoá; của ý thức cách tân đổi mới. Ý thức sáng tạo của Thơ mới là ý thức muốn được tự do, thoát khỏi sự ràng buộc của tư tưởng và lễ giáo phong kiến. Điều đó thể hiện ở khát vọng tự do. Báo chí, các cuộc tranh luận trong thời kỳ này thể hiện định hướng tự do sáng tạo về nội dung, hình thức; khẳng định tính tất yếu của khát vọng tự do sáng tạo của các nhà Thơ mới.

Thơ mới đã nói lên được một nhu cầu lớn về tự do. Nó khẳng định cái tôi cá nhân, không chỉ dừng lại ở *Tôi biết tôi* mà phải *Tôi là tôi*. Ý thức tự do như là một tiền đề xã hội để sản sinh ra Thơ mới, là cội nguồn sáng tạo ra những thành tựu rực rỡ của văn học Việt Nam theo hướng hiện đại hoá. Đây là đóng góp của phong trào Thơ mới và đã đưa thơ ca Việt Nam bước vào quỹ đạo hiện đại của thơ ca thế giới.

1.3. Thơ mới Việt Nam trong dòng chảy thơ ca Đông Á đầu thế kỷ XX

1.3.1. Ảnh hưởng của tân văn, tân thư trong phong trào Thơ mới

Người Việt Nam chịu ảnh hưởng không ít tân văn, tân thư. Họ lắng lòng mình, trầm trở, suy nghĩ tìm ra phương thế ở chính mình để tự cứu mình. Qua những sách Hán văn, họ nghiền ngẫm những tư tưởng Châu Âu, thấy được một chân trời tự do cho đường hướng tranh đấu mới.

Tân thư, tân văn tác động mạnh mẽ đến tư tưởng người đọc, đem đến cho văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX một luồng gió mới. Chính Tân thư, Tân văn như là một chất men say người khiến cho Thơ mới luôn có một tinh thần đổi mới. Ý thức tự do trên cơ sở đó đã ra đời để phản ánh tư tưởng mới, tinh thần mới và sự đa dạng của cuộc sống.

1.3.2. Thơ mới trong quan hệ với khu vực Đông Á

Trong khu vực Đông Á gồm có Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan, Việt Nam... thì Thơ mới là một hiện tượng chung. Cả năm nước này mang nhiều nét đồng đại về lịch sử, văn hoá, chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo. Xét về văn học, năm nước này có cùng hệ thống quan niệm thẩm mỹ, hệ thống thể loại, đều chịu sự chi phối của cách nhìn Nho giáo: quan niệm văn để chở đạo, thơ để nói chí (*Văn dĩ tải đạo, thi ngôn chí*). Những nước này đều có tính cộng đồng về lịch sử, văn hoá truyền thống.

Thơ mới Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan cũng

như Thơ mới ở Việt Nam là một hiện tượng khu vực có tính chất loại hình. Điểm gặp gỡ của Thơ mới các nước trong khu vực Đông Á là sự đổi mới trong ngôn ngữ thi ca, hình thức thi ca, tư duy thi ca. Chính ý thức tự do được đề cao đã khiến Thơ mới của những nước này thể hiện khát vọng, ý tưởng táo bạo đổi mới và đặc biệt là làm phong phú thơ ca.

Ý thức tự do sáng tạo là biểu hiện phẩm chất chủ thể và là tiền đề trực tiếp dẫn đến những hoạt động sáng tạo phong phú, đa dạng của người nghệ sĩ. Ý thức tự do sáng tạo luôn gắn với những điều kiện lịch sử xã hội - văn hoá và có những phương diện biểu hiện tương ứng, xác định. Hoàn cảnh lịch sử xã hội - văn hoá ở khu vực Đông Á nói chung, ở Việt Nam nói riêng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã dần hình thành ý thức tự do trong sáng tạo nghệ thuật, thơ ca. Điều đó được biểu hiện trong quan niệm sáng tác và trong thi phẩm của các thi sĩ.

CHƯƠNG 2

Ý THỨC TỰ DO VÀ SỰ ĐỔI MỚI NỘI DUNG CẢM XÚC TRONG PHONG TRÀO THƠ MỚI

Ý thức tự do của cá nhân là sự khẳng định bản ngã của con người trước cuộc sống, là sự khám phá những tình cảm, những trạng thái ẩn ức sâu kín của tâm hồn con người. Ý thức tự do đó được biểu hiện qua nhiều phương diện, đặc biệt là phương diện giải phóng bản ngã.

2.1. Tự do yêu đương

2.1.1. Đề tài tình yêu trong Thơ mới

Các nhà thơ trung đại không bộc bạch trực tiếp nỗi lòng, tình cảm riêng tư của chính mình. Tuy có nói về tình yêu đôi lứa, mang đậm dấu ấn tình cảm và thân phận nhưng thơ trung đại chịu sự chi phối bởi hệ thống quy ước nghệ thuật trung đại nghiêm ngặt với quan niệm làm thơ là việc của người quân tử nhằm tải đạo, tỏ chí chứ không phải để nói chuyện sáo, oán của trai gái hay bộc bạch tâm sự một cách trực tiếp, cởi mở.

Đến Thơ mới tình yêu chính là tiếng nói tự do, là khát vọng đầy si mê của những trái tim cháy bỏng yêu đương, góp phần làm cho tâm hồn con người thêm nhân ái, thêm cao đẹp. Khát vọng tự do trong tình yêu góp phần tạo nên sức sáng tạo nghệ thuật. Tình yêu thật sự phát triển mạnh, khát vọng yêu đương thực sự trở thành một khát vọng sống trong thơ, thậm chí quán xuyến văn thơ giai đoạn 1932-1945.

2.1.2. Ý thức tự do tạo nên những cung bậc đa dạng trong tình yêu

Tình yêu trong Thơ mới là phẩm chất, là tài sản quan trọng nhất của mỗi cá thể, gắn liền với quá trình phát triển Thơ mới, từ lãng mạn đến tượng trưng, dừng lại ở siêu thực trong việc thể hiện con người.

2.1.2.1. Yêu say đắm, hồn nhiên

Thời kỳ lãng mạn là giai đoạn bùng nổ tình cảm, lấy tình yêu làm chủ đề trung tâm là điều thật dễ hiểu. Lấy cái tôi làm trung tâm, lấy *thanh sắc trần gian làm tài liệu* thì thanh sắc yêu đương thực sự chiếm vị trí hàng đầu. Tình yêu buổi đầu thật dễ thương trong cái e ấp, ngỡ ngàng làm xao xuyến lòng người. Song dù tình yêu ở mỗi người mỗi vẻ nhưng với phong trào Thơ mới ta vẫn thấy có sự gần gũi trong quan niệm. Đó là tình yêu thiên về lý tưởng, đậm về tinh thần, nhạt về

thể xác.

Các nhà thơ chọn tình yêu làm cảm hứng sáng tạo của mình nhưng có lẽ chỉ có Xuân Diệu là người ý thức rõ nhất, thể hiện đậm đặc nhất. Tình yêu ấy không gò bó bởi một định kiến nào, nó tuân theo một quy luật của cuộc sống: quy luật giải phóng cá nhân, đem lại tự do cho con người được yêu, được hạnh phúc.

2.1.2.2. Buồn, cô đơn, xa cách - những cách biểu hiện mới trong thơ tình yêu

Nỗi buồn không phải là không có ở thơ ca trung đại. Nhưng phải đến Thơ mới, nỗi buồn và cô đơn hiện ra như một phương diện tự ý thức của cái tôi cá nhân.

Mỗi nhà Thơ mới tự do bộc lộ khao khát tình yêu sâu kín của mình. Cái tôi nội cảm của từng nhà thơ đã được đẩy lên tận cùng cảm giác: cảm giác sầu buồn, cảm giác cô đơn xa cách trong tình yêu đã tạo ra một thế giới thơ với cảm giác muôn màu, muôn vẻ; tạo ra cái đẹp, cái buồn đầy tính phản kháng và nhân bản. Ý thức tự do như là cội nguồn của những nỗi buồn.

2.1.2.3. Tình yêu chơi vơi, rộn ngợp, hoang mang, bế tắc

Tình yêu không chỉ dừng lại ở mộng và thơ mà nó còn đi sâu khai phá những vùng đất hoang đại chưa được khai phá. Đó là những biểu hiện trực tiếp và muôn vẻ của cảm xúc tình yêu cá nhân, cá thể. Những biểu hiện cuồng nhiệt của tình cảm trai gái, những ham muốn, những đòi hỏi yêu đương nhục thể đã từng bị thơ trung đại xem là dâm tục thì nay được phô diễn ra giữa cuộc đời cùng với những đòi hỏi của thân xác. Những khao khát hưởng thụ ái ân, được: *ôm, riết, say, cắn, chuyển choáng*; cảm giác mê mẩn trong nhục dục, một tình yêu đầy nhục cảm xác thịt; khao khát cố tìm sự hợp nhất bởi thân xác...

Trong Thơ mới, tình yêu cá nhân được đề cao và trở thành một nguyên tắc sáng tạo quan trọng. Kiểu tình yêu thanh cao, thuần khiết hay tình yêu nhục cảm là niềm tin về giá trị, sức mạnh của tình yêu cá nhân mà thực chất đó cũng là niềm tin về giá trị cá nhân của thời đại. Tình yêu được nhìn nhận và đón nhận trong tầm ý nghĩa triết học - thẩm mỹ và nhân sinh rộng lớn. Đó là những cảm xúc, những rung động mà tình yêu có khả năng đem lại cho mỗi cá nhân vẻ đẹp cùng với sức mạnh để hợp nhất với cuộc đời.

2.2. Trở về quá khứ với những vẻ đẹp xưa

2.2.1. Chán ghét thực tại, tự do sống trong thế giới hoài niệm quá khứ

Các nhà Thơ mới đi tìm lại phần đời của chính mình đã đánh mất. Họ bất mãn trước thực tại xã hội tẻ nhạt nhưng họ chưa nhận ra con đường đấu tranh cách mạng. Họ trăn trở về thân phận cá nhân họ và về dân tộc mình. Họ khổ đau, u buồn, sầu mộng... Họ chạy trốn thực tại bằng cách tự do tìm vào tình yêu, tìm về cõi tiên, cõi ma, cõi mộng hoặc quay về với quá khứ. Quá khứ đó đưa con người ngược trở về với cái đẹp, cái thanh khiết của cuộc đời.

Các nhà Thơ mới đều khát khao tự do, được sống tự do trong thế giới oai hùng của quá khứ, để thanh lọc tâm hồn. Trong sự đối sánh cổ - kim thì quá khứ thường là chuẩn mực, là tốt đẹp. Chính vì vậy, các nhà Thơ mới thường tìm về quá khứ như tìm về với cuộc sống chân thiện mỹ của mình, tìm thấy ở đó sự tương thông, tương cảm với cổ nhân.

2.2.2. Bộc lộ tình cảm yêu nước thầm kín

Con người Việt Nam, văn học Việt Nam luôn lấy tiêu chí yêu nước làm một trong những thước đo giá trị. Thơ mới cũng không nằm ngoài quy luật này. Các nhà Thơ mới trong hoàn cảnh lầm than luôn trĩu nặng một nỗi niềm ưu tư chua xót về non nước, quê hương. Khát vọng tự do đến sớm với phong trào Thơ mới qua *Những vần thơ* của Thế Lữ, *Con voi già, Giác mộng Lê Đại Hành, Tiếng địch sông Ô* của Huy Thông. Chế Lan Viên đã gửi gắm tâm sự yêu nước của mình qua những trang thơ về một đất nước *Điêu tàn*. Trần ngập trong *Điêu tàn* là nỗi buồn không dứt về thân phận những người mất nước. Chính niềm đau dân tộc ấy là một nét đáng quý, tạo nên cái khuynh hướng xã hội kín đáo và chút tình đời ảm áp của tập thơ.

Lòng yêu nước biểu hiện trong thơ qua nhiều cách, không bộc lộ trực tiếp trên mạch đầu tranh xã hội, chính trị mà chỉ có thể thấy tâm sự yêu nước ấy ở nỗi niềm nhớ thương luyến tiếc một thời vàng son của đất nước, ở khát vọng tự do, ở sự trân trọng những truyền thống, phong tục, tập quán từ lâu đời và phản ứng của những nhà thơ đương thời trước thực tại nhiều đau thương tủi nhục. Phải chăng đó là: “Những khát vọng hướng tới sự tự do của con người, của xã hội”.

2.3. Khát vọng ra đi - Cuộc tìm kiếm tự do

Ý thức tự do còn thể hiện trên nhiều phương diện ứng xử. Đó là khát vọng được ra đi để thể hiện chí làm trai, tìm đến những chân trời mới, những nguồn cảm xúc mới. Xét trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ, sự thể hiện khao khát tự do trên lĩnh vực này giàu tính nhân văn.

2.3.1. Ra đi - một ứng xử nghệ thuật trong văn học

Ra đi trước hết là một ứng xử nghệ thuật thích hợp với nhiều nhà thơ và cũng thích hợp với tâm lý xã hội lúc đó. Đây là một trong những quan niệm thẩm mỹ lãng mạn. Các nhà thơ từ chối hiện tại, muốn tìm đến một lối thoát: người ta gọi là *bệnh giang hồ*. Một đảng quay trở về quá khứ, một đảng ra đi thoát khỏi những tù túng trong thực tại.

2.3.2. Ra đi - Con đường thoát ly của các nhà Thơ mới

Đến Thơ mới, motif này được lặp lại nhưng sự ra đi đã mang dấu ấn của thời đại mới. Sự ra đi trong Thơ mới thể hiện ý thức tự do của thi nhân: thoát ly giang hồ, ra đi thực hiện lý tưởng sống, ra đi không định hướng...

Các nhà Thơ mới ra đi vì không muốn trở về với khuôn khổ chật hẹp, mơ về cuộc sống giang hồ. Ra đi chủ yếu là để thoát khỏi cuộc đời “*tẻ nhạt như tàu không đổi chuyển*” (Huy Cận) hay nói như Hàn Mặc Tử ra đi là để “*tìm cái phi thường, cái ước mơ*”. Họ thêm đi và

thêm xê dịch. Khát vọng ra đi, đó là nhu cầu giải phóng nội tại cá nhân con người. Và phải chăng “sự ra đi là một hiện tượng nghệ thuật rất phổ biến” và cũng cần khẳng định rằng nó là kết quả của ý thức tự do.

Biểu hiện của ý thức tự do trong Thơ mới đi từ những cảm xúc sâu sắc nhất, những cảm nghiệm riêng tư nhất, những cái nhìn cá nhân độc đáo nhất về thực tại. Mỗi thi nhân đều có những khao khát hướng đến sự hoàn mỹ, phát hiện sự phức tạp nội tâm của mình. Đó là khát vọng được tự do yêu đương, tự do mơ mộng, tự do nói lên tiếng lòng thành thực; khát vọng được ra đi thoát khỏi ràng buộc của thực tại đời sống tầm thường... Khát vọng đó rất chân thành, rất tự do, diễn tả cái phần tâm linh của con người. Con đường kiếm tìm tự do đi từ ý thức, từ khát vọng, từ quan điểm thẩm mỹ của các nhà Thơ mới đã đưa đến những cách nhìn mới, cách biểu hiện mới trong nội dung Thơ mới nói riêng và trong thơ ca nói chung. Vì thế mà dung lượng của Thơ mới có tính năng động.

CHƯƠNG 3

Ý THỨC TỰ DO VÀ SỰ ĐỔI MỚI CÁC HÌNH THỨC THỂ HIỆN CỦA THƠ MỚI

Ý thức tự do trong Thơ mới đã thay đổi diện mạo Thơ mới trên những phương diện: thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh thơ tiêu biểu... Đây chính là phương thức trữ tình, là cách thức, là phương tiện mà chủ thể sáng tạo dùng để bộc lộ cảm xúc, tự do cá nhân; thể hiện quan niệm, thái độ, cách phản ánh của các nhà thơ trong phong trào Thơ mới.

3.1. Sự phá vỡ hình thức thể loại

3.1.1. Thể loại trong văn học trung đại

Trong thơ trung đại, xu thế cái ta vô ngã qui phạm chi phối các hình thức và thể loại. Chính cái ta ấy đã qui định hình thức văn học tuân theo những quy phạm có sẵn. Việc làm thơ tất phải hướng theo quan niệm chính thống *Thi dĩ ngôn chí, Văn dĩ tải đạo*. Quan niệm bó hẹp thi hình thức biểu hiện hạn chế, cố định.

3.1.2. Thơ mới - sản phẩm của sự kế thừa và cách tân

Sự nảy nở ý thức cá nhân này đã quyết định một phần lớn sự giải phóng thơ ca ra ngoài khuôn sáo cổ, tạo nên một “cuộc biến thiên vĩ đại”, “cuộc cách mệnh về thi ca”. Đặc biệt, thể loại trong văn học hiện đại nói chung và Thơ mới nói riêng đã thể hiện tinh cảm của con người tự do một cách thuận lợi nhất, mở rộng diện tiếp xúc với đời sống, cách lý giải đời sống.

3.1.2.1. Sự kế thừa, đổi mới các thể thơ cũ

Sự đổi mới hình thức thơ trong phong trào Thơ mới là một nhu cầu cấp thiết, làm cho năng lực chiếm lĩnh nghệ thuật đối với hiện thực của thể loại ngày càng đi vào chiều rộng lẫn chiều sâu. Các nhà Thơ mới đã có ý thức hiện đại hoá thơ ca một cách mạnh mẽ, tạo ra những thể thơ mới và cải tạo các thể thơ truyền thống. Thể thơ chúng tôi đề cập ở đây chủ yếu là thể thơ 5 tiếng, thơ 7 tiếng, lục bát.

3.1.2.1.1. Thể thơ 5 tiếng

Thơ 5 tiếng là thể thơ liên quan đến việc thể hiện cảm xúc, nội dung giải bày tâm trạng. Các nhà Thơ mới đã mở rộng hơn, tự do hơn cho tứ thơ để dễ dàng diễn tả tâm hồn, cảm xúc mới của thi nhân. Các nhà Thơ mới mở rộng mạch thơ, tứ thơ cho thanh điệu bay bổng, diễn tả tâm hồn mới với âm điệu nhẹ nhàng.

3.1.2.1.2. Thơ 7 tiếng

Thơ 7 tiếng là thể thơ ra đời khá sớm trong lịch sử thơ ca của dân tộc. Nếu các thi gia xưa sáng tác thơ Đường đã dùng nhiều Hán tự, điển tích cho bài thơ hàm súc, chặt chẽ thì thơ 7 tiếng của các nhà Thơ mới gần gũi với cuộc sống. Các nhà Thơ mới làm thơ 7 tiếng không hạn định số dòng, số câu; ngôn từ sử dụng phong phú, đời thường, gói gắm vào đó những tư tưởng mới mẻ, với những lời thơ trong sáng nên rất rõ ràng, khúc chiết. Thể thơ 7 tiếng trong Thơ mới sử dụng bằng trắc rất tự do, thoải mái; cách ngắt nhịp, sử dụng từ phù hợp với tâm trạng thi nhân. Thể thơ này góp phần gia tăng cảm xúc, tình cảm trang trọng, đầm thắm.

3.1.2.1.3. Thơ lục bát

Thơ lục bát vốn là thể thơ dân tộc, nó có cả một quá trình vận động và phát triển. Nó liên tục làm một cuộc chạy tiếp sức từ ca dao đến *Truyện Kiều*. Các nhà Thơ mới tìm đến với thể thơ này như một sự hoà điệu. Các nhà Thơ mới đã có những cách tân độc đáo, nâng cao theo hướng thi pháp hiện đại, đủ khả năng miêu tả những gam độ tinh cảm phong phú của con người. Nếu như lục bát trong *Truyện Kiều* rất mềm mại, uyển chuyển thì trong Thơ mới đi từ ổn định đến phá cách, sử dụng ngôn từ tự do để tạo sắc thái mới, phù hợp với cảm xúc mới, thể hiện nhịp thơ thời đại.

Nhu cầu bộc lộ tinh cảm là nhu cầu tâm hồn của con người ở mọi thời đại. Thể thơ chính là hình thức tự biểu hiện tốt nhất. Các nhà Thơ mới với độ chín của tâm hồn, độ căng của cảm xúc, họ tìm đến những thể loại thích hợp: thơ 5 tiếng, thơ 7 tiếng, lục bát để gửi gắm hồn mình. Những thể loại họ sử dụng càng trở nên tự do, phóng khoáng hơn, độc đáo hơn.

3.1.2.2. Nỗ lực và tự do tìm kiếm các thể Thơ mới

Các nhà Thơ mới đi sâu vào ngõ ngách của tâm hồn, thể hiện cảm xúc của mình trên các thể thơ. Thể thơ nào phù hợp với việc thể hiện cảm xúc thì được các nhà Thơ mới sử dụng với tần số cao.

3.1.2.2.1. Thể thơ 8 tiếng

Thơ 8 tiếng được sử dụng nhiều nhất và là một sáng tạo độc đáo của phong trào Thơ mới. Nó tiếp thu tiết điệu trong hát nói. Được cách tân và sáng tạo, thể thơ 8 tiếng là phương tiện để các nhà thơ biểu hiện, giải bày tâm trạng, bộc lộ cái tôi. Thể thơ này có sự phóng túng trong câu chữ, nhịp điệu linh hoạt, có sức dung chứa cuộc sống, có khả năng giải bày tiếng nói sâu kín trong tâm hồn con người. Đây là thể thơ thích hợp với kiểu con người tự do, con người cá nhân thành thực, con người tâm linh, con người thành thực với lòng mình và cuộc sống. Thể thơ này là cơ sở để các nhà Thơ mới giải bày những quan niệm của cá nhân về tình yêu, về lẽ sống, về cái đẹp, về cuộc đời.

3.1.2.2.2. Thể thơ tự do

Đây là thể thơ thể hiện tài năng của thi nhân. Thể thơ tự do cho phép nhà thơ buông phóng tâm tình, biểu đạt tự nhiên cường độ cảm xúc, không cắt xén, đeo gót cho vừa khuôn, vừa mẫu. Ta thường bắt gặp trong Thơ mới những dòng thơ cảm xúc dâng trào, buông thả, tràn từ câu này sang câu khác. Thơ tự do của các nhà Thơ mới là phương tiện để họ thể hiện tài năng và sự tung hoành của ngòi bút ở những đề tài khác nhau.

3.1.2.3. Thơ văn xuôi - độ nhờ về thể loại

Thơ văn xuôi có diện mạo rõ ràng thể hiện cá tính sáng tạo nghệ thuật của thi nhân (*Chơi giữa mùa trăng* - Hàn Mặc Tử, *Kính cầu tự* - Huy Cận, *Giọt sương hoa* - Phạm Văn Hạnh, *Đất thơm* -

Nguyễn Xuân Sanh)... Thể thơ này thể hiện cái tôi cá nhân, chuyển tải được những xúc cảm mãnh liệt của cá thể.

Thơ văn xuôi thích hợp với kiểu sáng tác tự do, không chấp nhận ràng buộc của những khuôn khổ đạo lý mà họ sáng tác theo bản năng. Họ có thể chuyển tải qua thể thơ này tự do cảm xúc, tự do suy nghĩ, đưa đến cho người đọc những khao khát mãnh liệt của họ. Thể loại thơ văn xuôi chính là sản phẩm của ý thức tự do của các nhà Thơ mới.

3.2. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ thơ là cội nguồn vật liệu của thơ ca qua việc dùng từ, đặt câu, xây dựng hình ảnh... Ở đây, chúng tôi chú ý nhấn mạnh sự ảnh hưởng không nhỏ của việc sử dụng ngôn ngữ trong việc thể hiện ý thức tự do của các nhà thơ trong phong trào Thơ mới.

3.2.1. Ngôn ngữ thơ đầu thế kỷ XX

Ngôn ngữ thơ trung đại sử dụng nhiều điển tích với niêm luật, từ ngữ ước lệ, từ Hán Việt, sự sắp xếp phù hợp với niêm luật định sẵn. Đến Tân Đà, Trần Tuấn Khải, ngôn ngữ thơ đa phần gần với từ khúc, ca trù, tạo nên những nét sáng tạo riêng. Các tác giả đã phá vỡ khuôn khổ câu thơ xưa cũ để tự do hơn trong việc thể hiện cảm xúc, bộc lộ cái tôi cá nhân một cách mạnh mẽ. Đầu thế kỷ XX, ngôn ngữ thơ đã có bước chuyển mình, từ ngôn ngữ ước lệ, cổ điển đến ngôn ngữ giản dị của đời sống; diễn tả những rung động tinh tế, nhạy cảm trong tâm hồn, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của người hiện đại.

3.2.2. Ngôn ngữ Thơ mới

Đến Thơ mới đã có sự nổi loạn và bức phá về ngôn ngữ thể hiện nội tâm con người, diễn tả những rung động tinh tế của tâm hồn một cách sinh động và chân thành.

3.2.2.1. Từ ngôn ngữ điệu ngâm đến ngôn ngữ điệu nói

Ngôn ngữ thơ gắn với lời nói và dòng ngữ điệu, cảm xúc con người. Lời thơ đã được tổ chức theo một nguyên tắc khác, một tâm thế sáng tạo thơ chuyển từ ý, hình sang lời, giọng điệu. Chính điều này cho phép các nhà Thơ mới tự biểu hiện mình toàn vẹn, đầy đặn hơn và tự do hơn.

Ngôn ngữ Thơ mới xuất hiện đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất khẳng định một cách rõ ràng tư tưởng, tình cảm của cái tôi trữ tình, của ý thức tự do. Đại từ nhân xưng giúp các nhà Thơ mới bộc bạch tình cảm, thể hiện tâm sự với mọi người. Câu thơ trữ tình điệu nói xuất hiện giải bày nội tâm, cảm nhận thế giới bằng cảm xúc, cảm giác. Câu thơ điệu nói giải phóng giọng điệu cá thể. Đó chính là tiếng lòng, do hơi thở, nhịp tình cảm tạo nên.

3.2.2.2. Giai đoạn đầu (1932-1935)

Ngôn ngữ thơ giai đoạn đầu của phong trào Thơ mới (1932-1935) chủ yếu là ngôn ngữ lãng mạn. Trong thơ thường sử dụng từ ngữ trực tiếp bộc lộ cảm xúc. Những lớp ngôn từ này lột tả những cung bậc tình cảm đắm say, những khát khao giao cảm, hưởng thụ. Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất xuất hiện, một cái tôi luôn xưng danh nhằm khẳng định một cách dứt khoát, rõ ràng tư tưởng, tình cảm của cái tôi trữ tình. Hệ thống sử dụng các động từ cảm xúc trong Thơ mới đa dạng và phong phú biểu hiện các cung bậc của cảm xúc lòng người.

3.2.2.3. Giai đoạn (1936-1940)

Đây là giai đoạn thứ hai của Thơ mới, ngôn ngữ thơ chuyển từ lãng mạn sang tượng trưng. Các nhà thơ đi sâu khám phá, tìm hiểu những bí ẩn nằm trong chiều sâu tâm linh, huyền bí với những chiều kích khác nhau của thế giới con người. Giai đoạn này cái tôi phát triển rực rỡ nhất. Ngôn ngữ thơ Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Bích Khê là ngôn

ngữ thơ giàu nhạc điệu, có sức mê hoặc, tạo nên sự tương ứng trong lòng người, tạo nên thế giới linh cảm của con người tâm linh.

3.2.2.4. Giai đoạn cuối (1941-1945)

Cuối giai đoạn 1936-1940, đầu giai đoạn 1941-1945, cái tôi trữ tình Thơ mới chuyển sang thế đa cực thậm chí ẩn mình đi. Sự ra đời của các trường phái, khuynh hướng cho thấy sự vận động tất yếu của Thơ mới. Ngôn ngữ thơ tượng trưng, siêu thực vượt qua ngưỡng cảm xúc để đưa con người đến với thế giới của tâm linh, đến với những ảo mộng, thần bí. Ngôn ngữ thơ giai đoạn này không chạm khắc điêu luyện như trong thơ trung đại mà những lớp ngôn từ ám gợi này biến động tạo thành những lớp sóng ngữ nghĩa khác lạ trong sự thức nhận, trong sự tương hợp giữa màu sắc, âm thanh và các giác quan.

3.3. Đổi mới mô hình cú pháp

3.3.1. Khả năng kết hợp ngôn từ

Ngôn từ trong Thơ mới được chất lọc, chắt chiu, bóng bẩy. Từ ngữ trong sáng, nhẹ nhàng, đầy thi vị. Cách dùng từ, sắp xếp ngôn từ, xây dựng hình ảnh mang đậm dấu ấn của sự sáng tạo, thể hiện đậm nét ý thức tự do của chủ thể. Thơ mới thể hiện chủ thể trực tiếp, cảm xúc tự do nên thế giới ngôn từ Thơ mới đầy ắp những hô ngữ, thán từ, lời than, lời kể, lời gọi... Trong Thơ mới, xuất hiện lối thơ tả chân, trực tiếp bộc bạch, giải bày tình cảm; những lời than, lời bộc lộ tâm trạng; những từ cảm thán, hô ngữ không chỉ bộc lộ tâm trạng mà còn chứa nỗi đau tâm hồn, sự cuồng loạn về thể xác. Sử dụng động từ: *ôm, ghì, bấu, cắn, hút, uống...* (Xuân Diệu) thể hiện tâm hồn rạo rực, táo bạo và niềm khát vọng vô biên. Những hư từ và những từ có chức năng tạo nhạc tăng lên với tần số cao. Sự xuất hiện của những con số mang lại nét đặc trưng rất khu biệt của cá tính nhà thơ. Ở bình diện sử dụng ngôn từ đây là một sự tìm tòi mới trong lối biểu hiện

của thơ, là một sự giải thoát, một nhu cầu sống bức xúc của chủ thể trong thơ và bằng thơ.

3.3.2. Các kiểu câu của Thơ mới

Trong Thơ mới xuất hiện một số dạng câu thơ định nghĩa. Qua những câu thơ định nghĩa, cái tôi thi sĩ được khẳng định rõ ràng, dứt khoát hơn, tự do hơn bao giờ hết.

Bên cạnh câu thơ định nghĩa, những kiểu câu thơ giải thích lý lẽ của Thơ mới ở giai đoạn đầu thể hiện nhu cầu, thể hiện khát vọng tự do, khát vọng được giải bày. Các nhà Thơ mới dùng phương pháp giải thích, lập luận như một phương thức tư duy trực tiếp ở những câu thơ bậc câu. Những dòng thơ có sự tiếp nối đã diễn đạt trọn vẹn ý, tạo nên một chủ thể trực tiếp, một cái tôi nội cảm thực sự. Kiểu câu thơ cắt nghĩa, định nghĩa phổ biến. Câu Thơ mới đã được chủ thể hoá, cá thể hoá cao độ gắn với lời phân trần, câu thơ tâm sự. Câu thơ luôn luôn co giãn, thậm chí bị phá vỡ như muốn thể hiện khát vọng tự do cho việc khơi dòng thi cảm của các nhà Thơ mới.

3.3.3. Hiện tượng chia nhiều khổ thơ, vắt dòng, chấm câu giữa dòng

Khuôn khổ bài thơ trong Thơ mới co giãn linh hoạt thể hiện cảm xúc cụ thể. Số tiếng trong dòng, số dòng trong khổ, cách gieo vần, ngắt nhịp, vắt dòng, chấm câu giữa dòng biến hoá đa dạng ở nhiều bài thơ. Khi đã phá vỡ sự ràng buộc về khuôn khổ, các nhà Thơ mới đã để cảm hứng của mình tự do được phơi bày qua những hình thức câu chữ tự do, dài hay ngắn.

Một hiện tượng thường gặp trong Thơ mới là dạng câu thơ vắt dòng, câu thơ xuống dòng. Đây là loại hình câu thơ, trong đó các quy tắc ngữ pháp bị phá vỡ theo ý chủ quan của tác giả. Câu thơ xuống dòng có chức năng làm cắt đứt mạch thơ và chuyển câu

thơ vào trường tư duy khác. Đó cũng là thủ pháp nghệ thuật mà các nhà Thơ mới đã đóng góp cho nền thơ ca nước nhà.

Ý thức tự do trong Thơ mới là cơ sở hình thành, sáng tạo các hình tượng nghệ thuật. Các nhà Thơ mới rất có ý thức sử dụng thể loại thơ, ngôn ngữ thơ cũng như những hình thức nghệ thuật để bộc lộ nội dung. Sự chuyển đổi thơ trữ tình điệu ngâm sang thơ trữ tình điệu nói thể hiện cách nhìn mới, giọng điệu mới. Ngôn ngữ Thơ mới điêu luyện, mới lạ; sử dụng câu thơ định nghĩa, câu thơ vắt dòng; câu thơ văn xuôi được chú trọng. Ý thức tự do đã đem lại cho Thơ mới khả năng tự biểu hiện mình, thể hiện tiếng nói sâu kín trong tâm hồn con người, thích hợp với kiểu con người cá nhân thành thực.

PHẦN KẾT LUẬN

1. Từ góc nhìn tâm lý học sáng tạo, luận án chỉ ra ý thức tự do đã góp phần không nhỏ đối với việc hình thành Thơ mới cũng như những sáng tạo độc đáo của nó. Sự ra đời và phát triển của phong trào Thơ mới gắn liền với sự nhận thức về ý thức cá nhân, tự do cá nhân. Đây là yếu tố quan trọng nhất để phát huy cá tính sáng tạo của các nhà thơ, tạo nên một sự bùng nổ về cá tính sáng tạo của cả một thời đại thi ca.

2- Ý thức tự do trong phong trào Thơ mới đã tạo nên tiền đề cho việc mở rộng đề tài, làm phong phú thêm các phương tiện diễn đạt; phá vỡ tính quy phạm, tính ước lệ, tính phi ngã trong lĩnh vực sáng tạo văn học vốn là những nguyên lý khắc nghiệt trong thơ ca trung đại.

Thơ mới đã đi sâu thể hiện khát vọng của con người. Thực tại đầy tù túng, ngột ngạt khiến con người khao khát được trở về quá khứ, được tự do sống trong thế giới tưởng tượng; được bộc lộ tình cảm yêu nước thầm kín, khát vọng ra đi để thoát ly xã hội đương thời; tự do được mơ mộng, tự do được yêu đương, một khát vọng cháy bỏng rất nhân văn.

3- Ý thức tự do thể hiện điểm nhìn nghệ thuật của chủ thể, tạo nên nét mới trong cảm hứng sáng tác, đưa đến những sáng tạo nghệ thuật thi ca mới lạ, độc đáo trong việc lựa chọn, sử dụng, sắp xếp thể thơ, câu thơ, ngôn ngữ thơ... Việc đi sâu nghiên cứu phương thức trữ tình này trong phong trào Thơ mới góp phần chứng minh sức sống, sự sáng tạo của các nhà Thơ mới.

4- Nghiên cứu Thơ mới từ phương diện ý thức tự do một lần nữa khẳng định ý thức và khát vọng tự do của thi nhân trong sáng tạo nghệ thuật nói chung và Thơ mới nói riêng. Tư tưởng mới, tinh thần mới ấy không chỉ được thể hiện ở Thơ mới mà chúng ta còn tìm thấy sự tiếp nối và phát huy của nó trong giai đoạn văn học sau 1945.

5- Luận án tiếp cận Thơ mới từ góc độ ý thức tự do góp phần khẳng định thêm giá trị của Thơ mới về nội dung cũng như phương diện nghệ thuật. Cách tiếp cận thiên về tâm lý học sáng tạo này góp phần lý giải được sự hình thành nên những phong cách đa dạng và độc đáo ở các nhà Thơ mới cũng như lý giải được sự thành công rực rỡ của phong trào này với tư cách là sự khởi đầu của hành trình hiện đại hoá trong văn học Việt Nam, trong sự tiếp nối và mở ra bước ngoặt của thơ trữ tình Việt Nam, chuyển từ phạm trù trung đại sang phạm trù hiện đại. Bởi thế, Thơ mới đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho nhiều thế hệ nhà thơ Việt Nam hiện nay mà trong đó không thể không có bài học của ý thức tự do.